

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Điều dưỡng
Tên tiếng Anh	: Nursing
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Điều dưỡng
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: 52720501

(Ban hành theo Quyết định số ...⁴³⁷.../QĐ-NTT, ngày ²⁸ tháng ⁰⁹ năm 2012 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc; có năng lực và kỹ năng thực hành nghề nghiệp một cách thành thạo để thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh và phục hồi sức khỏe nhân dân một cách hiệu quả; có khả năng tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên; có sức khỏe để đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Trình bày và áp dụng được:

- Những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
- Những quy luật cơ bản về sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Những nguyên tắc cơ bản về chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
- Phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
- Luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
- Các biện pháp tổ chức, quản lý và thực hiện chăm sóc tại các cơ sở y tế.

1.2.2. Về kỹ năng

Có năng lực:

- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của Bác sỹ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với Bác sỹ để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Chẩn đoán điều dưỡng; lập kế hoạch chăm sóc; đưa ra những can thiệp đúng và kịp thời, tổ chức thực hiện và thực hiện một cách thành thạo kế hoạch chăm sóc.
- Thực hiện được đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng.
- Làm tốt công tác quản lý ngành, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và nhân viên Y tế một cách hiệu quả.
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng và chữa bệnh.
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch.
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng một cách hiệu quả.
- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khỏe.
- Sử dụng tin học trong quản lý chuyên môn; sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn.
- Triển khai các đề tài nghiên cứu điều dưỡng; vận dụng tốt nguyên lý thực hành dựa vào bằng chứng.

1.2.3. Về thái độ

- Hành nghề theo pháp luật, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh, tôn trọng người bệnh, có tính nhân ái và bình đẳng và cảm thông với người bệnh. Trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Biết quý trọng thiên nhiên và môi trường sống
- Khiêm tốn học hỏi, luôn cố gắng tự học tập và rèn luyện vươn lên.

1.2.4. Vị trí công tác sau tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân đại học điều dưỡng có thể được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh ở các tuyến trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.
- Có thể tiếp tục học sau khi tốt nghiệp: Thạc sỹ, tiến sỹ, điều dưỡng chuyên khoa I, điều dưỡng trưởng.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

- Trình độ tiếng Anh đạt 5.0 TOEIC.
- Có thể giao tiếp được với người bệnh nói bằng tiếng anh
- Lập được kế hoạch chăm sóc bằng tiếng anh
- Tham khảo được tài liệu chuyên môn bằng tiếng anh

1.2.6. Trình độ tin học

- Thành thạo tin học văn phòng
- Sử dụng được phần mềm quản lý bệnh viện
- Sử dụng được phần mềm SPSS, EPI-INFO 6.0
- Tìm được tài liệu chuyên môn trên mạng

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 140 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 và qui đổi theo theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 44 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

7.1.1. Lý luận chính trị

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75		
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		070010(a)

3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45		070018(a)
		TỔNG	10	150		

7.1.2. Nhân văn nghệ thuật:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	2	30		
5	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	2	30		070006(a)
6		TỔNG	4	60		

7.1.3. Ngoại ngữ:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
8	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
9	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
10	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
11	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(b)
		TỔNG	15	150	150	

7.1.4. Khoa học tự nhiên:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
12	070245	Xác suất - Thống kê y học	2	30		
13	070003	Hóa học	2	30		
14	070236	Sinh học và Di truyền	2	30		
15	001882	Vật lý và Lý sinh	2	30		
16	070233	Nghiên cứu khoa học	2	15	30	070214(a)
17	001951	Tâm lý Y học - Y đức	1	15		
18	070405	Tin học văn phòng 1	2		60	
19	070406	Tin học văn phòng 2	2		60	070405(a)
		TỔNG	15	150	150	

7.1.5. Giáo dục thể chất:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
20	070023	Giáo dục thể chất	5			
		TỔNG	5			

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	070022	Giáo dục quốc phòng	3		165	

		TỔNG	3		165	
--	--	-------------	----------	--	------------	--

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 96 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
22	070227	Giải phẫu	4	45	30	
23	070237	Sinh lý	2	30		070227(c)
24	070229	Hóa sinh	2	30		070003(a)
25	070244	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	3	30	30	
26	070002	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30		070237(a)
27	070226	Dược lý	2	30		070003(a)
28	070239	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	15		070223(a)
29	070225	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	15		070223(a)
30	070451	Vệ sinh môi trường	1	15		070244(a)
31	070222	Dịch tễ học	1	15		070244(a)
32	070234	Pháp luật và Tổ chức y tế	1	15		
33	070246	Y học cổ truyền	2	15	30	070227(a)
		TỔNG	22	285	90	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 63 tín chỉ

▪ Kiến thức bắt buộc: 52 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
34	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	30	90	070227(a) 070226(a) 070237(a) 070244(a)
35	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	30	90	070223(a)
36	070232	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2	15	30	
37	070228	GDSK trong thực hành điều dưỡng	2	15	30	001951(a)
38	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	15		070244(a)
39	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1	2	30		070223(a)
40	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 – TH	2		90	070212(c)

41	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1	2	30		070223(a)
42	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 – TH	2		90	070214(c)
43	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	30		070214(a)
44	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	30		070223(a)
45	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 – TH	2		90	070216(c)
46	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	30		070223(a)
47	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - TH	2		90	070218(c)
48	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	15	30	070223(a)
49	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	15	30	070212(a)
50	070211	CS sức khỏe người cao tuổi 1	2	30		070214(a)
51	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2	2	30		070212(a)
52	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 – TH	1		45	070212(a)
53	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2	2	30		070214(a)
54	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 – TH	1		45	070214(a)
55	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	2	30		070214(a)
56	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 – TH	1		45	070209(c)
57	070235	Quản lý điều dưỡng	1	15		070223(a)
58	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	15		070214(a)
59	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng – TH	2		90	070208(a)
TỔNG			52	435	885	

▪ **Kiến thức đặc thù và tự chọn: 11 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
60	070203	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 1	3	30	30	070411(a)
61	070446	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 2	3	30	30	070203(a)

62	070452	Tiêm an toàn	1	15		
63		CSSK theo chuyên khoa – LT*	2	30		
64		CSSK theo chuyên khoa – TH**	2		90	
		TỔNG	11	105	150	

*: Chọn 1 trong các học phần sau: CS hồi sức cấp cứu 2, CSSK NB truyền nhiễm 2, CSSK người cao tuổi 2, CSSKNL bệnh ngoại khoa 3, CSSKNL bệnh nội khoa 3, CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2, CSSK tâm thần 2, CSSK trẻ em 2

** : Chọn 1 trong các môn CSSK tương ứng – TH.

▪ **Tự chọn CSSK theo chuyên khoa**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT *	TH **	GHI CHÚ
65	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	2	30		070206(a)
66	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	2	30		070209(a)
67	070459	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2	2	30		070211(a)
68	070460	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3	2	30		070213(a)
69	070461	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3	2	30		070215(a)
70	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	30		070216(a)
71	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	30		070218(a)
72	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	2		90	070206(a) 070457(c)
73	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – TH	2		90	070455(a) 070458(c)
74	070466	CS sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	2		90	070211(a) 070459(c)
75	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 – TH	2		90	070213(a) 070460(c)
76	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 –TH	2		90	070215(a) 070461(c)
77	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 – TH	2		90	070216(a) 070462(c)
78	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	2		90	070218(a) 070219(c)

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
	070242	Thực tập tốt nghiệp – Điều dưỡng	4		180	
	070230	Khóa luận tốt nghiệp – Điều dưỡng	7		315	
		TỔNG	11		495	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b) học phần tiên quyết: (a) học phần trước; (c) học phần song hành.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				10	105	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
3	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	070003	Hóa học	0101070003	2	30	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
3	070236	Sinh học và di truyền	0101070236	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
5	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				13	165	60	
1	070226	Dược lý	0101070226	2	30	0	070003(a)
2	070227	Giải phẫu	0101070227	4	45	30	
3	070229	Hóa sinh	0101070229	2	30	0	070003(a)
4	070237	Sinh lý	0101070237	2	30	0	070227(c)
5	070244	Vi sinh vật - ký sinh trùng	0101070244	3	30	30	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	001882	Vật lý và lý sinh	0101001882	2	30	0	
2	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070018(a)
3	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	0101070238	2	30	0	070237(a)
4	070245	Xác suất thống kê y học	0101070245	2	30	0	
5	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	001951	Tâm lý Y học - Y đức	0101001951	1	15	0	
2	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	0101070006	2	30	0	
3	070222	Dịch tễ học	0101070222	1	15	0	070244(a)
4	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	0101070223	5	30	90	070227(a) 070226(a) 070237(a) 070244(a)
5	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				12	120	120	

1	070212	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	0101070212	2	30	0	070223(a)
2	070214	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	0101070214	2	30	0	070223(a)
3	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	0101070224	5	30	90	070223(a)
4	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(b)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				11	150	30	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0101070007	2	30	0	070007(a)
2	070203	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 1	0101070203	3	30	30	070411(a)
3	070216	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	0101070216	2	30	0	070223(a)
4	070218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	0101070218	2	30	0	070223(a)
5	070225	Dinh dưỡng - tiết chế	0101070225	1	15	0	070223(a)
6	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	0101070231	1	15	0	070244(a)
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				12	30	420	
1	070228	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	0101070228	2	15	30	001951(a)
2	070232	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	0101070232	2	15	30	
3	070447	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 - TH	0101070447	2	0	90	070214(c)
4	070448	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 - TH	0101070448	2	0	90	070212(c)
5	070449	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - TH	0101070449	2	0	90	070216(c)
6	070450	Chăm sóc sức khỏe trẻ 1 - TH	0101070450	2	0	90	070218(c)
Học kỳ 9							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070206	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	0101070206	2	15	30	070223(a)
2	070207	Chăm sóc phục hồi chức năng	0101070207	2	15	30	070212(a)
3	070233	Nghiên cứu khoa học	0101070233	2	15	30	070214(a)
4	070234	Pháp luật - tổ chức Y tế	0101070234	1	15	0	
5	070239	Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người	0101070239	1	15	0	070223(a)
6	070446	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 2	0101070446	3	30	30	070446(a)
7	070451	Vệ sinh môi trường	0101070451	1	15	0	070244(a)
Học kỳ 10							
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	070211	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1	0101070211	2	30	0	070214(a)
2	070213	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	0101070213	2	30	0	070212(a)

3	070215	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	0101070215	2	30	0	070214(a)
4	070235	Quản lý điều dưỡng	0101070235	1	15	0	070223(a)
5	070246	Y học cổ truyền	0101070246	2	15	30	070227(a)
6	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	0101070434	2	30	0	070214(a)
7	070452	Tiêm an toàn	0101070452	1	15	0	
Học kỳ 11							
Học phần bắt buộc				8	45	225	
1	070208	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	0101070208	1	15	0	070214(a)
2	070209	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1	0101070209	2	30	0	070214(a)
3	070453	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - TH	0101070453	1	0	45	070212(a)
4	070454	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 - TH	0101070454	1	0	45	070214(a)
5	070455	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1 - TH	0101070455	1	0	45	070209(c)
6	070456	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng - TH	0101070456	2	0	90	070208(a)
Học phần tự chọn				4	30	90	
1	070219	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	0101070219	2	30	0	070218(a)
2	070457	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2	0101070457	2	30	0	070206(a)
3	070458	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2	0101070458	2	30	0	070209(a)
4	070459	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2	0101070459	2	30	0	070211(a)
5	070460	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3	0101070460	2	30	0	070213(a)
6	070461	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3	0101070461	2	30	0	070215(a)
7	070462	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	0101070462	2	30	0	070216(a)
8	070464	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2 - TH	0101070464	2	0	90	070206(a) 070457(c)
9	070465	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 - TH	0101070465	2	0	90	070455(a) 070458(c)
10	070466	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2 - TH	0101070466	2	0	90	070211(a) 070459(c)
11	070467	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - TH	0101070467	2	0	90	070213(a) 070460(c)
12	070468	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3 - TH	0101070468	2	0	90	070215(a) 070461(c)
13	070469	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	0101070469	2	0	90	070216(a) 070462(c)
14	070470	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - TH	0101070470	2	0	90	070218(a) 070219(c)
Học kỳ 12							
Học phần bắt buộc				11	0	495	

1	070230	Khóa luận tốt nghiệp/ thi tốt nghiệp – Điều dưỡng	0101070230	7	0	315	
2	070242	Thực tập tốt nghiệp – Điều dưỡng	0101070242	4	0	180	

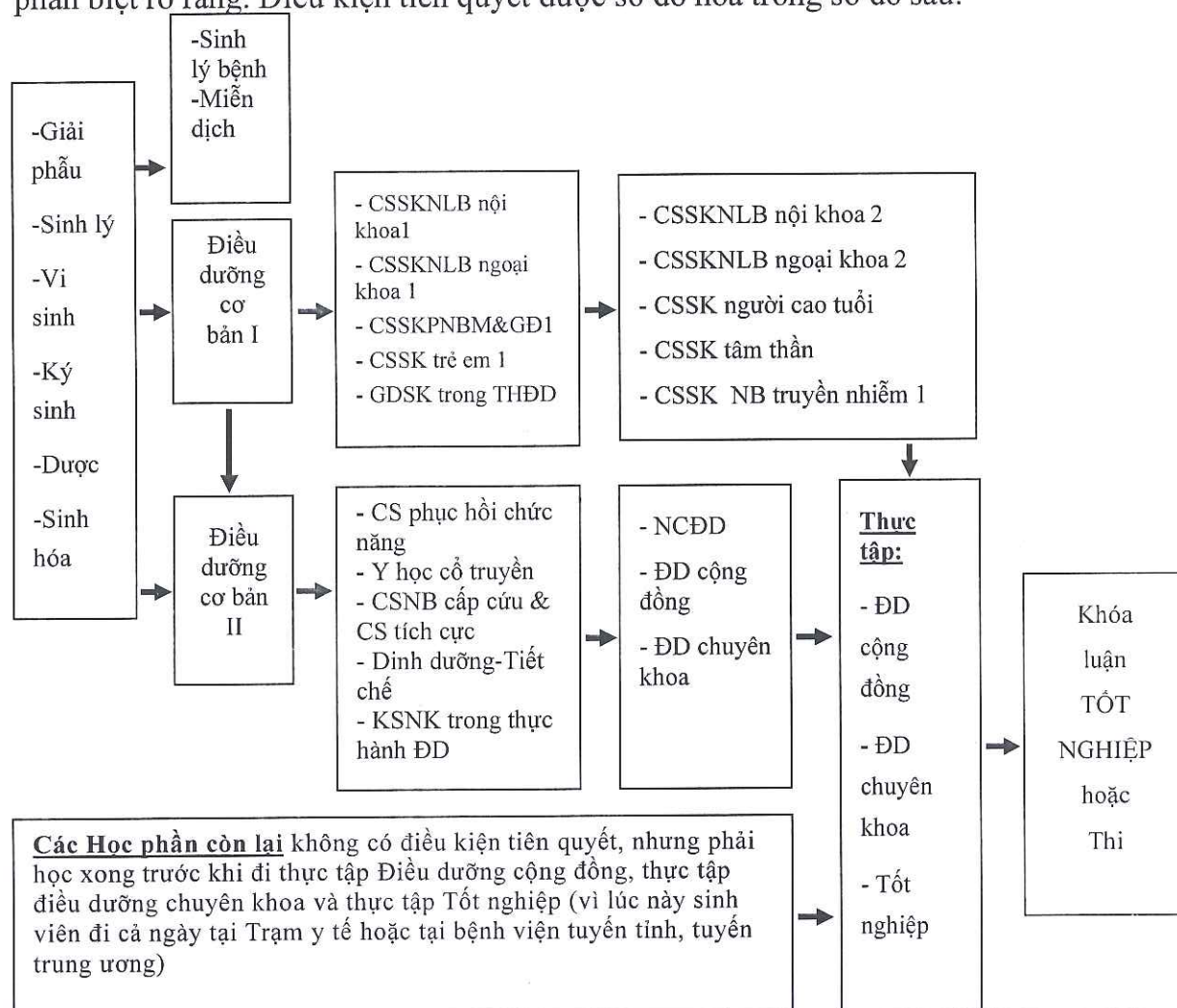
9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Xếp lịch dạy học

Khi xây dựng lịch dạy học cho mô hình quản lý theo hệ thống tín chỉ, Phòng Đào tạo cần phân định rõ các môn học/học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

- Các học phần độc lập: là những học phần không cần điều kiện tiên quyết, và sự nhận thức chúng không cần đến kiến thức của các học phần khác (học phần trước). Do vậy, có thể bố trí dạy các học phần này vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần giáo dục đại cương và một số học phần thuộc giáo dục chuyên nghiệp như Giải phẫu, Tâm lý học - Y đức, Pháp luật và Tổ chức y tế ...

- Các học phần phụ thuộc: là những học phần cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những học phần cần được trang bị trước là những học phần tiên quyết (học phần trước). Do vậy, cần bố trí các học phần này theo trình tự logic trước – sau được phân biệt rõ ràng. Điều kiện tiên quyết được sơ đồ hóa trong sơ đồ sau:



9.2. Tổ chức và phương pháp dạy học

9.2.1. Lý thuyết

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực
- Sinh viên được biết trước: lịch học lý thuyết và tài liệu tham khảo
- Có câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu
- Tăng cường thảo luận nhóm
- Học theo cách giải quyết vấn đề, theo tình huống.

9.2.2. Thực tập tại trường

- Hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ.
- Dạy theo phương pháp “bắt chước”, kèm cặp, đóng vai...
- Có protocol hướng dẫn thực hành tại labo

9.2.3. Thực tập tại bệnh viện

- Theo công thức 1 kèm 2 để có 3 lợi ích: Một giáo viên điều dưỡng lâm sàng kèm 2 sinh viên trong suốt một đợt thực tập (quản lý, kèm cặp, hướng dẫn và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên).
- Có chỉ tiêu tay nghề cụ thể cho từng đợt thực tập.
- Có phiếu đánh giá kèm 6 tiêu chí đánh giá: Chăm chỉ, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, sự tiến bộ và mức độ thành thạo khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, kiến thức chuyên môn.

9.2.4. Thông báo cho sinh viên biết các thông tin liên quan đến dạy – học:

Ngay đầu khóa học, trong tuần lễ sinh hoạt công dân, phải công bố cho sinh viên biết:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của bộ Giáo dục và Đào tạo
- Danh sách giảng viên giảng thuyết, thực hành tại trường và tại bệnh viện
- Các học phần/môn học bắt buộc
- Các học phần/môn học đặc thù/chuyên khoa
- Các học phần phụ thuộc/độc lập
- Các học phần được giảng dạy trong từng học kỳ để sinh viên đăng ký
- Đề cương học phần/môn học
- Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập

- Phương pháp học tập hiệu quả.
- Tài liệu học tập/lượng giá
- Sinh viên đăng ký học các học phần chuyên khoa vào học kỳ 1 năm học thứ 3.

9.3. Đánh giá quá trình học tập và kết thúc học phần

9.3.1. Lý thuyết

- Đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình): Ngay từ đầu học kỳ, giảng viên phải công bố cho sinh viên về các hình thức đánh giá học phần.
- Đánh giá kết thúc học phần/môn học: Tổ chức thi trong kỳ thi chính (3 tuần cuối mỗi học kỳ).
- Trọng số đánh giá quá trình là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 70% (ngoại trừ học phần Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp).
- Xây dựng ngân hàng câu hỏi (câu hỏi trắc nghiệm khách quan), tiến tới thi trên máy vi tính.

9.3.2. Thực hành

- Dựa vào bảng kiểm có thang điểm.
- Đánh giá đạt/không đạt sau mỗi kỹ thuật chăm sóc.
- Mỗi học phần thực hành tại trường được quyết định đạt/không đạt dựa vào kết quả đánh giá tất cả các kỹ thuật chăm sóc (đạt trên 75%).
- Học phần thực hành tại bệnh viện được đánh giá theo thang điểm, dựa vào 6 tiêu chí:
 - + Chăm chỉ
 - + Đạo đức nghề nghiệp – Kỹ năng giao tiếp
 - + Kiến thức chuyên môn
 - + Thực hiện chỉ tiêu tay nghề
 - + Thực hiện qui trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh
 - + Sự tiến bộ và mức độ thành thạo thực hiện các kỹ thuật chăm sóc.

Thang điểm của 6 tiêu chí là:

STT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Qui định đạt mức điểm tối đa
	Chăm chỉ	1,0	Đạt 100% thời gian đi bệnh viện. Luôn bên cạnh người bệnh để theo dõi, chăm sóc
	Đạo đức nghề nghiệp	1,0	Nhiệt tình, cảm thông và hết lòng chăm sóc,

	– Kỹ năng giao tiếp		hướng dẫn người bệnh. Nhân viên bệnh viện và người bệnh trong khoa yêu quý. Không có ai trong Khoa phản nản về thái độ
	Kiến thức chuyên môn	2,0	Trình bày đúng và đầy đủ các tình huống lâm sàng xảy ra ở người bệnh được phân công chăm sóc
	Thực hiện chỉ tiêu tay nghề	3,0	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tay nghề theo qui định của nhà trường
	Thực hiện qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh	2,0	Thực hiện đúng các qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, đảm bảo vô khuẩn, tiêm an toàn
	Sự tiến bộ và mức độ thành thạo	1,0	Sự tiến bộ và thành thạo có thể dễ dàng nhận thấy được sau đợt thực tập
Tổng điểm		10,0	Đạt trên 95% tất cả các tiêu chí trên

9.4. Đánh giá khóa luận cuối khóa học

9.4.1. Làm khóa luận: Đối với những sinh viên đạt học lực từ loại giỏi trở lên.

- + Thí sinh được chọn 1 trong 7 chuyên ngành (Chăm sóc sức khỏe theo chuyên khoa) để làm khóa luận tốt nghiệp.
- + Thí sinh được chọn Thầy hướng dẫn làm khóa luận.
- + Mỗi Giảng viên (đúng chuyên ngành) chỉ được hướng dẫn không quá 4 sinh viên làm khóa luận.
- + Sinh viên triển khai làm khóa luận trong thời gian thực tế tốt nghiệp.
- + Sinh viên viết khóa luận trong thời gian ôn thi tốt nghiệp của khóa học.
- + Trước khi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải gửi Đề án tốt nghiệp cho Hội đồng thi tốt nghiệp.
- + Ban giám khảo chấm khóa luận phải đảm bảo không dưới 3 người và đúng chuyên ngành theo chủ đề khóa luận của sinh viên.
- + Thời gian bảo vệ khóa luận tốt nghiệp:
 - Sinh viên trình bày 20 phút
 - Hỏi và trả lời 30 phút
 - Thảo luận cho điểm: 10 phút

9.4.2. Học các học phần tương đương 7 tín chỉ: Đối với những sinh viên không đạt học lực từ loại giỏi trở lên.

- Học phần lý thuyết: 4 tín chỉ
- Học phần thực hành: 3 tín chỉ

Các học phần tương so Khoa Điều dưỡng đề xuất, xây dựng và được Hiệu trưởng phê duyệt

10. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

070010 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070018 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070002 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tư tưởng Hồ Chí Minh)

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070407 Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn THPT)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.

070408 Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Các học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Những kiến thức cơ bản đó gồm: Ngữ âm học, ngữ âm ứng dụng, âm vị học và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản, nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ chuyên ngành và thực hiện giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp (intermediate level).

070409 TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070410 TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có khả năng thi đỗ vào làm việc tại các bệnh viện quốc tế tại Việt Nam và các bệnh viện trong khu vực.

070411 TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

070405 Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nguyên lý hoạt động của máy tính và các kỹ năng sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm ứng dụng cơ bản vào nghiên cứu điều dưỡng.

070406 Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

070006 Kỹ năng giao tiếp 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề khái quát trong giao tiếp kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh, cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh, cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn trong kinh doanh.

070007 Kỹ năng giao tiếp 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng giao tiếp 1)

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào kỹ năng viết. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao

tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, Memo, Thông báo, Báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

070023 Giáo dục thể chất: 90 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070022 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070236 Sinh học và Di truyền: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, nhận biết được một số xét nghiệm di truyền học.

001882 Vật lý và Lý sinh: 1 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên; vận dụng được các qui luật vận động trong hoá học và sinh học vào y dược học; vận dụng được kiến thức lý sinh vào các học phần chuyên ngành như điện não, điện tim, điện cơ... và các phương pháp vật lý trị liệu nhằm phục hồi sức khỏe cho người bệnh.

070245 Xác suất, Thống kê y học: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ... giúp cho sinh viên biết cách vận dụng giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong y học.

070003 Hóa học: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hoá học các nguyên tố; lý thuyết hoá vô cơ, hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hoá học vào các môn học khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

001951 Tâm lý Y học – Y đức: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về các khái niệm cơ bản của tâm lý Y học nhằm giúp sinh viên có thể phân tích được mối liên quan giữa đạo đức với y đức và các đặc trưng của đạo đức nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

070233 Nghiên cứu khoa học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để có thể triển khai nghiên cứu điều dưỡng một cách đúng đắn. Rèn luyện kỹ năng tra cứu tài liệu khoa học, phân tích thực trạng, phân tích và xử lý số liệu, xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng công cụ thu thập số liệu, lập kế hoạch triển khai đề tài nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Rèn luyện đức tính nghiêm túc trong nghiên cứu.

070222 Dịch tễ học: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Vi sinh vật - Ký sinh trùng)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; mô tả và phân tích được những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng; nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

070225 Dinh dưỡng – Tiết chế: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Tiết chế - Dinh dưỡng là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

070226 Dược lý: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa học)

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể. Qua đó, sinh viên có thể hiểu được các tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng các thuốc thông dụng; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

070227 Giải phẫu: 4(45, 30, 105)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, cấu tạo và chức năng của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người, liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu vào các môn học điều dưỡng lâm sàng.

070239 Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và Hành vi con người: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản 1

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện và các kỹ năng nâng cao sức khỏe.

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản của tâm lý và hành vi con người; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

070229 Hóa sinh: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hoá sinh học, bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hoá của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hoá năng lượng. Đánh giá được ý nghĩa của những kết quả xét nghiệm cơ bản về hoá sinh lâm sàng.

Vận dụng những kiến thức của môn học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

070237 Sinh lý: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Giải phẫu)

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng.

070234 Pháp luật và Tổ chức Y tế: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật và Tổ chức Y tế là môn học nghiên cứu các kiến thức pháp luật cơ bản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế. Môn học này giúp cho sinh viên nắm được lý luận và kiến

thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nắm được nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó.

070002 Sinh lý bệnh – Miễn dịch: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Sinh lý)

Nội dung: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng phòng chống bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng, chăm sóc bệnh nhân và nghiên cứu khoa học.

070451 Vệ sinh môi trường: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật – Ký sinh trùng

Nội dung: Vệ sinh môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

070244 Vi sinh vật – Ký sinh trùng: 3(30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh vật học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh – cơ thể con người, môi trường chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Thực hiện lấy bệnh phẩm, làm tiêu bản trực tiếp và nhận định kết quả một số xét nghiệm vi sinh vật thông thường.

Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

070246 Y học cổ truyền: 2(15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các

vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

070208 Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1)

Nội dung: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng); Cách xác định tình trạng sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng); Nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã/phường.

070456 Chăm sóc sức khỏe cộng đồng – Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe cộng đồng)

Nội dung: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng); Cách xác định tình trạng sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng); Nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã/phường.

070232 Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng: 2(15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp hiệu quả của người điều dưỡng với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong các tình huống giao tiếp khác nhau; Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ đúng mực giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh làm trung tâm khi phát triển mối quan hệ giao tiếp. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng lựa chọn các giải pháp giao tiếp cụ thể nhằm đạt được hiệu quả tốt trong công việc cũng như trong xã hội.

070228 Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng: 2(15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tâm lý Y học – Y đức)

Nội dung: Giáo dục sức khỏe là môn học nghiên cứu những cách thức tác động để thay đổi hành vi sức khỏe của con người. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe cho người bệnh và cho cộng đồng. Hướng dẫn cho sinh viên biết cách lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng lựa chọn các giải pháp can thiệp bằng truyền thông trong những trường hợp cụ thể.

070206 Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về chăm sóc các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và đặc biệt; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh); Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: đột quỵ, hôn mê, co giật, ngộ độc... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

070223 Điều dưỡng cơ bản 1: 5(30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Dược lý, Giải phẫu; Sinh lý; Vi sinh vật – Ký sinh trùng)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, lý luận cơ bản về khoa học điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển, các học thuyết và triết lý điều dưỡng, qui trình điều dưỡng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật chăm sóc người bệnh bị các bệnh thông thường, chăm sóc dinh dưỡng, đề phòng bệnh tật. Rèn luyện kỹ năng, thái độ, tác phong và ý thức, trách nhiệm phục vụ người bệnh.

070224 Điều dưỡng cơ bản 2: 5(30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên biệt nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người điều dưỡng, giúp cho người điều dưỡng có thể chăm sóc được cho người bệnh trong các trạng thái bệnh lý phức tạp khác nhau; Tổ chức chăm sóc người bệnh và phát triển chiến lược thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng. Rèn luyện kỹ năng hợp tác với bác sỹ, kỹ năng xử lý các tai biến do thuốc và thực hiện tốt chiến lược Tiêm an toàn và Phòng ngừa chuẩn nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh, cho bản thân và cho cộng đồng.

070212 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản 1

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

070448 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh có ngoại khoa 1 – Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK người lớn có bệnh ngoại khoa 1)

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070213 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh bị các bệnh ngoại khoa thông thường, phức tạp, chuyên sâu. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc người bệnh ngoại khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách an toàn, hiệu quả.

070453 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 - Thực hành: 1 (0, 45, 23)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (CSSK người lớn có bệnh ngoại khoa 1)

Nội dung: Bổ sung và hoàn thiện cho sinh viên các kỹ năng chăm sóc toàn diện người lớn bị các bệnh lý thuộc lĩnh vực ngoại khoa, giúp họ tự tin giải quyết đúng đắn các tình huống lâm sàng phức tạp, chuyên sâu, điển hình và không điển hình cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa.

070214 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc nội khoa, chăm sóc người bệnh bị các bệnh nội khoa, các biện pháp ngăn ngừa bệnh tật nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh)

070447 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 – Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh nội khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn bị các bệnh nội khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nội khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh nội khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070215 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (CSSK người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Bổ sung kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa thông thường và phức tạp, chuyên biệt. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc cho người bệnh nội khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.

070454 Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 – Thực hành: 1 (0, 45, 23)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Bổ sung và hoàn thiện cho sinh viên các kỹ năng chăm sóc toàn diện người lớn bị các bệnh lý thuộc lĩnh vực nội khoa, giúp họ tự tin giải quyết đúng đắn các tình huống lâm sàng phức tạp, chuyên sâu, điển hình và không điển hình cho người lớn bị các bệnh nội khoa.

070218 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý và bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khỏe mạnh và bị các bệnh thông thường.

070452 Tiêm an toàn: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để thực hiện được những mũi tiêm an toàn cho người được tiêm, cho người tiêm và cho cộng đồng. Qua đó, hình thành được thái độ đúng đắn trước mỗi khi thực hiện tiêm, giảm thiểu được những tai biến có thể xảy ra sau mỗi mũi tiêm.

070450 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 – Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK trẻ em 1)

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với trẻ em bị bệnh, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho trẻ em bị bệnh; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nhi khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc trẻ bệnh ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070216 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ; giai đoạn trước – trong và sau khi sinh; Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

070449 CS sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình – Thực hành 1: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1)

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với các sản phụ, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho sản phụ; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh sản phụ khoa thường gặp với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc sản phụ ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070211 Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên điều dưỡng những kiến thức cơ bản về những thay đổi trong cấu tạo, giải phẫu, sinh lý và bệnh tật ở người cao tuổi. Phân tích và giải thích được những thay đổi về cấu trúc và chức năng của các cơ quan, hệ thống trong cơ thể ở người cao tuổi. Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Hình

thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

070209 Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm: nguyên nhân, đường lây truyền, cách phòng ngừa, chẩn đoán, kế hoạch và nội dung cần chăm sóc, cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khỏe và cộng đồng.

070455 CSSK người bệnh truyền nhiễm 1-Thực hành: 1 (0, 45, 23)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK người bệnh truyền nhiễm 1).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh truyền nhiễm, rèn luyện kỹ năng thực hành chăm sóc cho người bệnh truyền nhiễm; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh truyền nhiễm với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi tiếp xúc, điều trị, chăm sóc và quản lý người bệnh bị các bệnh truyền nhiễm.

070231 Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Vi sinh - Ký sinh trùng)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

070434 Chăm sóc sức khỏe tâm thần: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương tâm thần, các liệu pháp tâm lý, ứng dụng liệu pháp tâm lý trong chăm sóc người bệnh; Đặc điểm lâm sàng và hậu quả của các vấn đề về sức khỏe tâm thần; Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

070207 Chăm sóc phục hồi chức năng: 2(15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương về phục hồi chức năng; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng; Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc). Rèn luyện kỹ năng chăm sóc phục hồi sức khỏe cho người bệnh mạn tính, rèn luyện đức tính kiên trì, nhẫn nại trong chăm sóc phục hồi sức khỏe.

070235 Quản lý điều dưỡng: 1(15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành điều dưỡng, khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý... Vai trò người

điều dưỡng trong đội chăm sóc người bệnh; những khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hành chăm sóc. Vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội Điều dưỡng Việt Nam, Hội Điều dưỡng Quốc tế,...

070203 Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng anh trong các tài liệu chuyên môn y tế. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng anh chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và tham khảo được tài liệu nước ngoài bằng tiếng anh hoặc trên mạng để không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hàng ngày của người điều dưỡng...

070446 Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn chuyên ngành 1)

Nội dung: Bổ sung những kiến thức cơ bản về vốn từ vựng, ngữ pháp, văn phạm tiếng anh trong các tài liệu chuyên môn điều dưỡng; rèn luyện kỹ năng nghe, nói, viết chuyên môn bằng tiếng anh. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể tiếp thu được các bài giảng chuyên môn bằng tiếng anh, viết được những nội dung chuyên môn, tóm tắt đề tài nghiên cứu khoa học bằng tiếng anh, thực hiện được giao tiếp trong bệnh viện quốc tế và tham khảo được tài liệu nước ngoài bằng tiếng anh hoặc trên mạng để không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hàng ngày của người điều dưỡng...

070466 Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 1).

Nội dung: Bổ sung cho sinh viên điều dưỡng những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình bệnh lý ở người cao tuổi. Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc và giáo dục sức khỏe người cao tuổi.

070460 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2 – Thực hành.

Nội dung: Bổ sung cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và đề phòng các bệnh lý ngoại khoa điển hình và phức tạp; giáo dục và nâng cao sức khỏe cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; xác định được những can thiệp điều dưỡng cần thiết và phù hợp trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

070461 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2).

Nội dung: Bổ sung cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và đề phòng các bệnh lý nội khoa điển hình và phức tạp; giáo dục và nâng cao sức

khỏe cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; xác định được những can thiệp điều dưỡng cần thiết và phù hợp trong khi chăm sóc người bệnh nội khoa.

070462 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc SK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các bệnh sản phụ khoa điển hình, phức tạp, các biện pháp và kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả tại bệnh viện, nhà hộ sinh và cộng đồng cho phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

070458 Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (CSSK người bệnh truyền nhiễm 1)

Nội dung: Trang bị và bổ sung cho sinh viên những kiến thức về các bệnh truyền nhiễm phổ biến ở Việt Nam: nguyên nhân, đường lây truyền, nguyên tắc điều trị, kế hoạch chăm sóc, các can thiệp điều dưỡng, các biện pháp phòng ngừa lây truyền và nội dung cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khỏe và cộng đồng.

070219 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các bệnh nhi khoa phức tạp, các biện pháp và kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả tại bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, gia đình và cộng đồng.

070457 Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2: 3 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực)

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc với người bệnh nằm điều trị tại khoa hồi sức tích cực của bệnh viện; Rèn luyện kỹ năng, thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc, chính xác khi thực hành cấp cứu cho người bệnh bị các bệnh lý hiểm nghèo, nguy kịch cần những can thiệp chăm sóc tích cực.

070466 Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2 – Thực hành: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc SK người bệnh cao tuổi 2), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 1)

Nội dung: Tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc với người cao tuổi bị bệnh và khỏe mạnh; triển khai thực hiện các biện pháp chăm sóc, hỗ trợ giúp đỡ về thể chất và tinh thần nhằm không ngừng nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi tại bệnh viện, nhà dưỡng lão, gia đình và cộng đồng.

070467 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 – TH: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 3), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2)

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với người bệnh ngoại khoa điển hình và phức tạp, triển khai thực hiện các biện pháp và lập kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa tại bệnh viện, gia đình và cộng

đồng. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc, triển khai các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa.

070468 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3-Thực hành: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK người lớn bệnh nội khoa 3), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2)

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với người bệnh nội khoa điển hình và phức tạp, triển khai thực hiện các biện pháp và lập kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả trong khi chăm sóc người bệnh nội khoa tại bệnh viện, gia đình và cộng đồng. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc, triển khai các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người bệnh nội khoa.

070469 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 – TH: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1)

Nội dung: Tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc, quan sát và trực tiếp chăm sóc, quản lý, giáo dục sức khỏe cho các sản phụ một cách toàn diện, hiệu quả; giúp cho sinh viên tự tin khi tiếp xúc, chăm sóc, xử trí và giáo dục sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ khỏe mạnh và bị bệnh.

070465 Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2 – Thực hành 2: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 2), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1)

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh truyền nhiễm, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người bệnh truyền nhiễm; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh truyền nhiễm với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi tiếp xúc, điều trị, chăm sóc và quản lý người bệnh bị các bệnh truyền nhiễm.

070470 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 – Thực hành: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2), học phần trước (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1)

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc với trẻ em bị bệnh điển hình và phức tạp, triển khai thực hiện và rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ em một cách toàn diện, hiệu quả tại bệnh viện, gia đình và cộng đồng.

070464 Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-Thực hành: 2(0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (CSNB cấp cứu và chăm sóc tích cực 2), học phần song hành (Chăm sóc hồi sức cấp cứu 1)

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc với người bệnh nằm điều trị tại khoa hồi sức tích cực của bệnh viện; Rèn luyện kỹ năng, thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm

túc, chính xác khi thực hành cấp cứu cho người bệnh bị các bệnh lý hiểm nghèo, nguy kịch cần những can thiệp chăm sóc tích cực.

070242 Thực tập cuối khóa – Điều dưỡng: 4 (0, 180)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần

Nội dung: Đợt thực tập tốt nghiệp vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiết khuẩn tại bệnh viện, ...

070230 Khóa luận (thi) tốt nghiệp – Điều dưỡng: 7 (0, 315)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thực tập cuối khóa).

Nội dung: Thời gian ôn thi và làm khóa luận: 10 tuần. Hình thức thi: có thể làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình chung học tập trong 3 năm học đều đạt từ loại khá trở lên.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

CN. Trần Thị Châu